

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 20- 01 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: không.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Mai Thị Kiều O, sinh năm 1961; địa chỉ: tiểu khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn là bà Đào Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ với bà Mai Thị Kiều O nên ngày 12/10/2021 bà Mai Thị Kiều O có dẫn ông Đỗ Ngọc L đến nhà bà để vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay là để đảo sổ ngân hàng. Trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, tuy nhiên bà và ông L có thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 12 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 10 năm 2021, sau khi đảo nợ ông L sẽ trả cho bà số tiền đã vay. Khi vay tiền ông L là người trực tiếp viết giấy vay và nhận tiền từ bà, có bà Mai Thị Kiều O làm chứng. Đến hạn

trả nợ, ông L không thực hiện việc trả nợ cho bà theo thỏa thuận. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Ngọc L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/11/2021 là 1.700.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/12/2021 cho đến khi ông L trả hết nợ.

Tại bản khai đề ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Ngọc L trình bày: Ngày 12/10/2021, ông L có vay của bà H số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay là để đảo số Ngân hàng. Trong hợp đồng vay không thể hiện lãi suất, tuy nhiên ông và bà H có thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 12/10/2021 đến ngày 30/10/2021, ông L đã nhận đủ số tiền 170 triệu đồng của bà H. Từ khi vay tiền của bà H đến nay, ông L chưa trả cho bà Hằng cả gốc và lãi. Nay bà H yêu cầu ông trả số nợ gốc và lãi với lãi suất 1%/tháng ông L không đồng ý vì ông và bà H đã viết giấy cam kết, theo đó ông sẽ trả nợ cho bà H làm ba đợt, đến ngày 10/12/2021 ông sẽ trả hết nợ, do chưa đến ngày trả nợ và trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất nên ông không đồng ý trả lãi mà chỉ đồng ý trả số nợ gốc cho bà H là 170.000.000 đồng.

Tại bản khai đề ngày 05/01/2021, người làm chứng là bà Mai Thị Kiều O trình bày: Ngày 12/10/2021, bà có dẫn ông Đỗ Ngọc L lên nhà bà Đào Thị H vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay là để ông L đảo số ngân hàng. Ông L có viết giấy vay tiền cho bà H và ông L đã nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng, ông L và bà H có thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đ/1 ngày/1 triệu, bà là người giúp ông L đếm số tiền trên, bà cũng ký vào giấy vay với tư cách là người làm chứng. Cho đến nay ông L chưa trả cho bà H được đồng nào kể cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đỗ Ngọc L phải trả số tiền nợ gốc là 170. 000.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 30/10/2021, lãi quá hạn và lãi cho đến khi trả nợ xong là 1%/tháng. Ông Đỗ Ngọc L chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 170. 000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có khiếu nại về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng đều đúng quy định theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Lời khai của bà Đào Thị H phù hợp với lời khai của ông Đỗ Ngọc L và người làm chứng, phù hợp với giấy vay tiền đề ngày 12/10/2021 giữa bà Đào Thị H và ông Đỗ Ngọc L, đủ cơ sở khẳng định: Ngày 12/10/2021, ông Đỗ Ngọc L có vay của bà Đào Thị H số tiền 170.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 30/10/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với 73%/năm. Trong quá trình Tòa án giải

quyết vụ án, ông L cho rằng ngày 02/11/2021 giữa ông và bà H có viết giấy cam kết thời hạn cuối trả nợ là ngày 10/12/2021, bà H thừa nhận có việc thỏa thuận lại thời hạn trả nợ như ông L khai, nên thời điểm ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ được xác định là ngày tiếp theo ngày 10/12/2021. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông L vẫn chưa trả nợ gốc cho bà H, vì vậy ông L phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà H.

Về lãi suất trong hạn: Trong giấy vay tiền 12/10/2021 giữa bà H và ông L không thể hiện lãi suất, tuy nhiên cả ông L, bà H và bà O đều thừa nhận giữa bà H và ông L có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 73%/năm. Như vậy, hợp đồng vay thuộc trường hợp vay có lãi, mức lãi suất mà bà H và ông L thỏa thuận vượt quá 20%/năm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”, tức chỉ được chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu lãi suất trong hạn là 1%/tháng, tương đương 12%/năm và thời gian tính lãi trong hạn từ ngày 30/10/2021 đến ngày ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 10/12/2021, tương đương 41 ngày, cụ thể $41 \times 12\% \times 170.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} = 2.291.506 \text{ đồng}$. Yêu cầu này của bà H được chấp nhận, ông L phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi trong hạn này cho bà H.

Về lãi suất quá hạn: Do đây là hợp đồng có lãi nên theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 466 Bộ luật dân sự, ông L phải có nghĩa vụ trả lãi suất quá hạn cho bà H “bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả”. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu ông L trả mức lãi suất quá hạn là 1%/tháng, tương đương 12%/năm, thời hạn chậm trả được tính từ ngày 11/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/01/2022) là 40 ngày, cụ thể $40 \times 12\% \times 170.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} = 2.235.616 \text{ đồng}$. Yêu cầu này của bà H được chấp nhận, ông L phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi quá hạn này cho bà H.

Về lãi suất chậm thi hành án: Do đây là hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất, nên theo quy định tại điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Linh còn phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm thi hành án là 12%/năm, nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận toàn bộ nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

Buộc ông Đỗ Ngọc L phải trả cho bà H số tiền 174.577.122đ (*Một trăm bảy mươi tư triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng*) phát sinh từ giấy vay tiền đề ngày 12/10/2021, trong đó nợ gốc là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn tính từ ngày 30/10/2021 đến ngày 10/12/2021 là 2.291.506đ (*Hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn năm trăm linh sáu đồng*), lãi quá hạn tính từ ngày 11/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.235.616đ (*Hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Ngọc L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 12%/năm.

2. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc L phải chịu 8.728.000đ (*Tám triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đào Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.292.500đ (*Bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004229 ngày 02/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương